

Số: /2026/QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý chuyển giao công nghệ và thẩm định công nghệ dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 115/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật Chuyển giao công nghệ);

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định quản lý chuyển giao công nghệ và thẩm định công nghệ dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định quản lý chuyển giao công nghệ và thẩm định công nghệ dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2026.

2. Quyết định số 45/2025/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định quản lý chuyển giao công nghệ và thẩm định công nghệ dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Cần Thơ hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB và QLXLVPHC);
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Sở, ban, ngành TP;
- UBND xã, phường;
- Báo và PTTH Cần Thơ;
- Công báo TP;
- Cổng TTĐT TP;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

DỰ THẢO

QUY ĐỊNH

**Quản lý chuyển giao công nghệ và thẩm định công nghệ
dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Cần Thơ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định cụ thể một số nội dung trong công tác quản lý nhà nước về hoạt động chuyển giao công nghệ; thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động thẩm định công nghệ, chuyển giao công nghệ trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Điều 2. Đối tượng công nghệ, danh mục công nghệ, hình thức, phương thức và nội dung hợp đồng chuyển giao công nghệ

1. Đối tượng công nghệ, hình thức, phương thức chuyển giao công nghệ thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 của Luật Chuyển giao công nghệ.

2. Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao, Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao và Danh mục công nghệ cấm chuyển giao được quy định tại Điều 17 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ.

3. Nội dung hợp đồng chuyển giao công nghệ thực hiện theo quy định tại Điều 23 của Luật Chuyển giao công nghệ.

Điều 3. Đăng ký chuyển giao công nghệ và thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ

1. Nội dung đăng ký chuyển giao công nghệ thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 31 của Luật Chuyển giao công nghệ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ trong trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 31 của Luật Chuyển giao công nghệ.

3. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ

a) Đối với chuyển giao công nghệ trong dự án đầu tư: Sở Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ đối với chuyển giao công nghệ của dự án đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 21 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP.

b) Đối với chuyển giao công nghệ độc lập và hình thức khác theo quy định của pháp luật: Sở Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ đối với chuyển giao công nghệ trong nước có sử dụng vốn nhà nước hoặc ngân sách nhà nước và trường hợp tự nguyện đăng ký theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 21 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP.

Điều 4. Hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ; hoàn trả các khoản hỗ trợ, ưu đãi

1. Sở Khoa học và Công nghệ hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Chuyển giao công nghệ.

2. Trường hợp tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ và được hưởng hỗ trợ, ưu đãi theo quy định của pháp luật mà Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ bị hủy bỏ hiệu lực thì phải hoàn trả Nhà nước các khoản hỗ trợ, ưu đãi đã được nhận theo quy định tại Điều 22 của Nghị định số 101/2026/NĐ-CP.

Điều 5. Kiểm tra, giám sát công nghệ trong dự án đầu tư và chuyển giao công nghệ

1. Việc ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong dự án đầu tư theo quy định tại Điều 13 của Luật Chuyển giao công nghệ phải được kiểm tra, giám sát trong quá trình triển khai, thực hiện.

2. Sở Tài chính, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ có

trách nhiệm phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở quản lý ngành, lĩnh vực chuyên môn để kiểm tra, giám sát công nghệ trong dự án đầu tư cùng với việc kiểm tra, giám sát đầu tư theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra hoạt động chuyển giao công nghệ trong các trường hợp sau:

a) Theo kế hoạch.

b) Khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật về ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong quá trình triển khai, thực hiện dự án đầu tư và hoạt động chuyển giao công nghệ hoặc theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực hoặc theo chỉ đạo của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước; theo yêu cầu, đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền.

Mục 2

THẨM ĐỊNH CÔNG NGHỆ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Điều 6. Thẩm định hoặc có ý kiến công nghệ dự án đầu tư

1. Trong giai đoạn xem xét quyết định chủ trương đầu tư, việc thẩm định công nghệ dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

2. Trong giai đoạn chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, trừ dự án đầu tư theo Luật Đầu tư thuộc trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều này, dự án đầu tư sau đây phải được thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ:

a) Dự án đầu tư sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao theo Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 101/2026/NĐ-CP.

b) Dự án đầu tư có nguy cơ tác động xấu đến môi trường được quy định tại Phụ lục II, III, IV, V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP có sử dụng công nghệ.

c) Đối với dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này, chỉ thẩm định về công nghệ trong giai đoạn chấp thuận chủ trương

đầu tư hoặc có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

3. Trong giai đoạn xem xét quyết định đầu tư hoặc phê duyệt dự án, việc thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ được thực hiện như sau:

a) Dự án đầu tư xây dựng sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 101/2026/NĐ-CP hoặc dự án đầu tư xây dựng có nguy cơ tác động xấu đến môi trường được quy định tại Phụ lục II, III, IV, V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP có sử dụng công nghệ phải được thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ theo Quy định này.

b) Dự án đầu tư xây dựng có công nghệ không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này được thẩm định về công nghệ theo quy định của pháp luật về xây dựng.

c) Dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công không có cấu phần xây dựng, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư có hoặc không có cấu phần xây dựng, được thẩm định về công nghệ theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

4. Thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù khi tổ chức, cá nhân có nhu cầu thẩm định công nghệ do mình nghiên cứu tạo ra hoặc công nghệ do mình đầu tư nhằm ứng dụng trong sản xuất, kinh doanh.

5. Trong trường hợp triển khai dự án đầu tư đã được phê duyệt, nếu có điều chỉnh, thay đổi nội dung công nghệ đã được thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ thì dự án phải tiến hành thủ tục thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 13 của Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 của Luật số 115/2025/QH15, Điều 8 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP.

Điều 7. Thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư theo Luật Đầu tư không có cấu phần xây dựng sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ

1. Thẩm quyền thẩm định về công nghệ đối với dự án đầu tư có sử dụng vốn đầu tư công thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện việc có ý kiến thẩm định về công nghệ đối với dự án đầu tư theo Luật Đầu tư không có cấu phần xây dựng sử

dụng công nghệ hạn chế chuyển giao quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP.

3. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, cơ quan, tổ chức liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện việc có ý kiến thẩm định về công nghệ đối với dự án đầu tư theo Luật Đầu tư không có cấu phần xây dựng, có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ quy định tại điểm c khoản 3 Điều 3 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP.

Điều 8. Thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư theo Luật Đầu tư không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư và không có cấu phần xây dựng

1. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan có ý kiến về công nghệ đối với dự án sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao quy định tại điểm a khoản 4 Điều 3 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP.

2. Giao cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, cơ quan, tổ chức liên quan có ý kiến về công nghệ đối với dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ quy định tại điểm b khoản 4 Điều 3 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP.

Điều 9. Thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn quyết định đầu tư đối với dự án đầu tư có cấu phần xây dựng sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ

1. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan thẩm định về công nghệ đối với dự án sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao; Giao cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, cơ quan, tổ chức liên quan thẩm định về công nghệ đối với dự án có nguy cơ tác động xấu theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ (theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 3 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP).

2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan có ý kiến về công nghệ đối với dự án sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao; Giao cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, cơ quan, tổ chức liên quan có ý kiến về công nghệ đối với dự án có nguy cơ tác động xấu theo quy định của pháp luật về

bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ (theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 3 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP).

Điều 10. Thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù quy định tại khoản 4 Điều 6 Quy định này.

Điều 11. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện thẩm định công nghệ hoặc có ý kiến về công nghệ đối với dự án đầu tư đồng thời sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao và có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ.

Điều 12. Kinh phí thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong dự án đầu tư

Kinh phí thẩm định công nghệ hoặc có ý kiến về công nghệ trong dự án đầu tư thực hiện theo quy định tại Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các quy định pháp luật có liên quan khác.

Điều 13. Biểu mẫu phục vụ thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong dự án đầu tư, đăng ký chuyển giao công nghệ, chấp thuận, cấp phép chuyển giao công nghệ hạn chế chuyển giao.

Biểu mẫu phục vụ thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong dự án đầu tư, đăng ký chuyển giao công nghệ, chấp thuận, cấp phép chuyển giao công nghệ hạn chế chuyển giao thực hiện theo Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định biểu mẫu phục vụ thẩm định công nghệ trong dự án đầu tư, đăng ký, cấp phép chuyển giao công nghệ, chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ và báo cáo tình hình thực hiện.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì theo dõi tổng hợp, tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về việc tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành thành phố có liên quan thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với dự án đầu tư do mình chủ trì thẩm định công nghệ hoặc có ý kiến về công nghệ, thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù.

3. Hướng dẫn, quản lý hoạt động chuyển giao công nghệ; cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ; Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ; cấp, sửa đổi bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo thẩm quyền.

4. Tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về thẩm định công nghệ và chuyển giao công nghệ. Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về thẩm định công nghệ, chuyển giao công nghệ và tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố.

5. Chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về hoạt động chuyển giao công nghệ theo thẩm quyền. Tổ chức việc xác định công nghệ, giám định công nghệ trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu của cơ quan đăng ký đầu tư.

6. Hằng năm, Sở Khoa học và Công nghệ thống kê tình hình thẩm định công nghệ, chuyển giao công nghệ, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

Điều 15. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường

1. Sở Tài chính, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp thành phố Cần Thơ

a) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ban, ngành có liên quan thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư theo Quy định này và quy định pháp luật có liên quan; kiểm tra, giám sát công nghệ trong các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố.

b) Rà soát, nhận diện dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc có nguy cơ gây tác động xấu đến môi trường để phục vụ yêu cầu quản lý công nghệ trong dự án; gửi hồ sơ dự án đầu tư đến Cơ quan chủ trì thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đúng thẩm quyền theo Quy định này, quy định tại Điều 3 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP và quy định pháp luật có liên quan.

2. Các Sở, ban, ngành thành phố

a) Chủ trì hoặc phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư theo thẩm quyền tại Quy định này và quy định pháp luật có liên quan.

b) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan chức năng khác trong việc kiểm tra, giám sát công nghệ trong các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền, lĩnh vực được phân cấp quản lý.

c) Định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu, các sở, ban, ngành thành phố báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ về tình hình, kết quả thực hiện Quy định này.

3. Ủy ban nhân dân xã, phường

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 6 Quy định này đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương; phối hợp với cơ quan chức năng trong việc quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển giao công nghệ tại địa phương.

Điều 16. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

1. Các tổ chức, cá nhân thực hiện dự án đầu tư phải cung cấp thông tin đầy đủ, trung thực trong hồ sơ thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư; chấp hành đúng phương án công nghệ đã thẩm định và chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan có liên quan.

2. Các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Cần Thơ đã đăng ký chuyển giao công nghệ gửi báo cáo, thống kê về tình hình thực hiện đầu tư công nghệ, chuyển giao công nghệ khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

3. Các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Cần Thơ đã đăng ký chuyển giao công nghệ phải bảo đảm nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 25 và khoản 2 Điều 26 của Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14.